

Số: 351/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 15 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Minh T, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Số A Tổ B, Khu phố B, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Yến P, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Số C Trần Xuân D, Khu phố B, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Yến P và ông Lê Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2011, Quyền số 01/2011 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/5/2011).

Vợ chồng chung sống được 06 (Sáu) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng là do kinh tế khó khăn, ông T không phụ bà P về kinh tế để lo cho gia đình và không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hay gây gổ, cãi vã làm tình cảm vợ chồng ngày càng không thể hàn gắn được.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T có 01 (Một) con chung là trẻ Lê Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 19/4/2012.

Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất giao trẻ Lê Nguyễn Ngọc Y cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T xác nhận tài sản chung không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T xác định không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2011, Quyền số 01/2011 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/5/2011).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T có 01 (Một) con chung là trẻ Lê Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 19/4/2012.

Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất giao trẻ Lê Nguyễn Ngọc Y cho bà Nguyễn Thị Yên P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Lê Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T xác nhận tài sản chung và nợ chung không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Yên P và ông Lê Minh T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032605 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thom);

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh